TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HS-PT
Ngày: 04 - 01 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Thu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

*- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/12/2020 và 04/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 335/2020/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh T và Tô Huy Th do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1967 tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp 9, xã ML, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: xây dựng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Châu Thị S, có vợ Huỳnh Thị Thùy D và 02 con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Tô Huy Th, sinh năm 1978 tại Cà Mau. Nơi cư trú: 18/60E, Lê Văn L, ấp 5, xã Phước K, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: số 19/1015 TBT, phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nguyên Nhân viên Công ty mua bán nợ Tích Tắt; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn Tr (chết) và bà Lê H, có vợ Trực Nghi Kh và 02 con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo ra đầu thú rồi bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thanh T:

1. Ông Nguyễn Quyết Q – Luật sư của Công ty luật QT– chi nhánh Vĩnh Long, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Tô Huy Th:

1. Ông Phạm Hoài T – Luật sư của Công ty luật TNHH MTV PL, thuộc

đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Ông Huỳnh Trí T - Công ty luật TNHH CS, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Bị hại: Công ty TNHH MTV B

Địa chỉ: số 455-457 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Lê H – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Trần Ngọc T1, sinh năm 1970 (theo văn bản ủy quyền số 129/B ngày 24/8/2020). Có mặt.

Nơi cư trú: Số 506/49/15, LLQ, phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1996 theo văn bản ủy quyền số 129/B ngày 05/8/2020). Có mặt.

Nơi cư trú: Lầu 9 Tòa nhà C, số 01 đường SH – Xa lộ Hà Nội, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Huyền Tr - Luật sư của Công ty luật VA, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Bích C - Luật sư của Công ty luật VA, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 19/12/2003, Nguyễn Thanh T-1967, HKTT: Ấp 9, xã ML, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long đăng ký thành lập doanh nghiệp và được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5402000221 thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) AP, do Nguyễn Thanh T làm giám đốc; Công ty trách nhiệm hữu hạn AP, tọa lạc: 56C - PTB, Phường 4, Thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long). Nghành nghề kinh doanh của Công ty TNHH AP là Kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, tư vấn về quản lý kinh doanh. Nhưng trong quá trình đăng ký, thành lập Công ty AP đã vi phạm về đăng ký vốn khống, vi phạm về đăng ký khống thành viên Công ty chỉ để tên cá nhân khác tham gia cùng với Nguyễn Thanh T, nhưng thực chất các cá nhân này không có tham gia vào Công ty AP (BL:137, 659,685,686).

Sau một thời gian hoạt động, Công ty TNHH AP được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phê duyệt cho làm chủ đầu tư thực hiện dự án khu nhà ở AP 2, gồm: "Dãy nhà liên kế 38 căn và dãy nhà đơn lập 10 căn", tại khóm K4 (nay là khóm 5), Phường 4, Thị xã Vĩnh Long (nay là TP Vĩnh Long), tỉnh Vĩnh Long.

Để thực hiện dự án này, ngày 15/04/2004, Nguyễn Thanh T - giám đốc Công ty đã thế chấp tài sản gồm: 7.818,2 m^2 đất của dự án và tài sản hình thành

trong tương lai gắn liền với đất cho Ngân hàng Đ (Ngân hàng Đ) vay là 20 tỷ đồng, thời hạn vay là 24 tháng, tính từ ngày 15/04/2004 đến 15/04/2006 và tổng số tiền phía Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH AP là 9,8 tỷ đồng để thực hiện dự án.

Sau khi vay tiền công ty đã san lắp mặt bằng, làm rào lưới thép xung quanh diện tích và một số công việc khác thì ngưng, mặt khác Công ty cũng không trả tiền vay ngân hàng Đ; mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty AP thanh toán lãi. Do không còn khả năng thực hiện dự án nên ngày 31 tháng 05 năm 2005 Công ty AP bị thu hồi giấy phép kinh doanh (BL:127 đến 136; 157; 197).

Trong quá trình thực hiện dự án ngày 06/10/2004 được sự đồng ý của Ngân hàng Đ - chi nhánh Vĩnh Long, Công ty trách nhiệm hữu hạn AP - Đại diện là Nguyễn Thanh T - giám đốc đã tự nguyện chuyển giao toàn bộ dự án cho Công ty VLXD (Công ty B) thuộc Bộ Công Thương kể từ ngày 06/10/2004 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phê duyệt.

Khi chuyển giao, Nguyễn Thanh T đặt điều kiện ghi trong hợp đồng chuyển nhượng là phía Công ty VLXD (B) phải trả hết số nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn AP đang nợ tại Ngân hàng Đ - chi nhánh Vĩnh Long số tiền là 11.828.733.300 đồng, Công ty VLXD (Công ty B) đã thanh toán cho phía Ngân hàng đủ số tiền trên.

Khi nhận dự án trên Công ty VLXD (B) tiến hành thuê lập Hồ sơ thiết kế kỹ thuật khu nhà ở khóm K4, phường 4, thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long) do Công ty TNHH thương mại dịch vụ -Tư vấn xây dựng GH - địa chỉ: 136/6 TQD, Phường 14, Quận 3, TP Hồ Chí Minh thực hiện. Sau đó, trình lên các cấp có thẩm quyền, được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phê duyệt và Công ty B thực hiện ép cọc, xây dựng ống cống,… (BL: 202 đến 220, 221 đến 259, BL898).

Sau khi chuyển giao dự án Nguyễn Thanh T nghĩ rằng việc chuyển giao dự án trên với số tiền 11.828.733.300 đồng, thì phía Công ty TNHH AP bị thiệt hại và có thể yêu cầu phía Ngân hàng Đ phải trả thêm tiền mới tương xứng với dự án. Từ suy nghĩ trên nên ngày 07/07/2005, Nguyễn Thanh T khởi kiện ngân hàng Đ ra Tòa án tỉnh Vĩnh Long yêu cầu: phía ngân hàng Đ giải ngân thêm cho Công ty AP số tiền là 10.200.000.000 đồng; Trong quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án nhận định: Đối với việc chuyển giao dự án của Công ty AP cho Công ty B là một quan hệ khác và không có tranh chấp nên Tòa án không đặt ra giải quyết, Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi các đương sự yêu cầu. Hơn nữa tại phiên hòa giải có sự tham gia của Công ty B, Công ty AP, Ngân hàng Đ không đặt ra yêu cầu đối với việc chuyển giao dự án khu nhà ở khóm K4, phường 4, TP Vĩnh Long nên Tòa không xem xét và đã bác yêu cầu của Công ty AP (BL:181-183).

Tuy không đồng ý với bản án số 03/2005/KDTMST ngày 12/8/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhưng Nguyễn Thanh T không thực hiện quyền kháng cáo. Đến khoảng đầu năm 2017, Nguyễn Thanh T đã gặp Tô Huy Th-1978, HKTT: 18/60^{E} LVL, Tổ T4, Ấp A5, xã PK, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị can T nói với bị can Th rằng Ngân hàng Đ đã bán tài sản thế chấp khu nhà ở trên trái pháp luật cho phía Công ty B, nghe Nguyễn Thanh T trình

bày nội dung như vậy thì Tô Huy Th đã hứa giúp thương lượng, chuộc lại tài sản cho Nguyễn Thanh T. Đến ngày 31/7/2017, Nguyễn Thanh T và Tô Huy Th đến Văn phòng thừa phát lại Quận 1-TP Hồ Chí Minh số 117 HN, phường Nguyễn Thái Bình, Thành phố Hồ Chí Minh lập "Vi Bằng và Thỏa thuận" có sự chứng kiến của Thừa phát lại: Võ Đình T.

*Nội dung Vi bằng và thỏa thuận ngày 31/7/2017 đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long thu giữ (BL: 286 đến 290), thể hiện:

- Tô Huy Th thay mặt Nguyễn Thanh T đàm phán với Ngân hàng Đ và Công ty B (Bộ thương mại): Theo tinh thần nội dung Quyết định, Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật số 03/2005/KDTM-ST ngày 29/11/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, để thanh toán toàn bộ khoản nợ vay cho ngân hàng và nhận lại tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản ngay sau khi Tô Huy Th đàm phán, thương lượng lấy lại 7.816 m^2 đất.

- Nội dung hứa thưởng của thỏa thuận trong Vi bằng: Sau khi đàm phán xong, Tô Huy Th toàn quyền quyết định đối với đất, Nguyễn Thanh T chỉ nhận lại 5 tỷ đồng. Bất luận trong trường hợp nào khi Tô Huy Th đang tham gia giải quyết vụ việc cho Nguyễn Thanh T mà Nguyễn Thanh T đơn phương chấm dứt Hợp đồng công việc được ghi trong phần "hứa thưởng" thì Nguyễn Thanh T phải thanh toán đủ số tiền 20 tỷ đồng.

Nhưng sau đó Nguyễn Thanh T và Tô Huy Th còn thỏa thuận và thống nhất với nhau về việc dỡ bỏ các trụ cọc bê tông và một số ống cống đã được Công ty B xây dựng sau khi nhận chuyển giao dự án. Để thực hiện thỏa thuận với T, Tô Huy Th đã thuê và trả tiền cho lực lượng Bảo vệ của Công ty trách nhiện hữu hạn dịch vụ bảo vệ HĐV để bảo vệ khu dự án khóm K4 (nay là khóm K5), phường 4, TP Vĩnh Long.

Ngày 10/9/2017, Tô Huy Th và lực lượng bảo vệ khi đến khu vực dự án, Th yêu cầu các cá nhân đang giữ đất cho Công ty B gồm: Lê Văn C-1962; Huỳnh Thị L-1970; Võ Chí T-1974 rời khỏi khu đất dự án, bị can Tô Huy Th mua lại nhà kho tiền chế trong khu đất này của Võ Chí T với giá 25.000.000 đồng, để cho các nhân viên đến bảo vệ khu đất dự án ở. Sau đó, T, Th đưa xe cuốc vào tiến hành tháo dỡ, đập phá Công trình của Công ty B gồm: các cọc bê tông, ống cống do Công ty B thi công (đã thu giữ các giấy tờ thể hiện đây là tài sản của Công ty B). Trong lúc phá dỡ các trụ cọc bê tông và các tài sản khác, bị can Tô Huy Th tự giới thiệu mình là chủ khu đất, nên cho phép cá nhân vào đập bê tông tông lấy sắt không phải trả tiền công. Võ Chí T, Trần Phước Sĩ, Lê Thành Khương biết được, nên xin vào đập các trụ cọc bê tông để lấy sắt bán, Th đồng ý. Lê Thành Khương đã thuê xe cuốc vào bẽ gãy ngang các trụ bê tông hoặc nhổ lên đập bể bê tông để lấy sắt bán cho `Nguyễn Kim B được 27 triệu đồng.

Vào ngày 11/9/2017, trong lúc công trình dự án đang bị đập phá, thì Trần Ngọc T1-1970 là Đội trưởng đội thi công của Công ty B là người đang quản lý khu dự án trên, phát hiện và báo với Cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Vĩnh Long đã mời những người liên quan về trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 4 lập biên bản, yêu cầu ngưng đập phá chờ Cơ quan chức năng giải quyết.

Đến ngày 15/9/2017 nhận được tin báo công trình tiếp tục bị dập phá, Ủy ban nhân dân phường 4 đến và mời về trụ sở Ủy ban nhân dân phường 4 lập biên bản yêu cầu chấm dứt việc đập phá. Nhưng đến ngày 21/9/2017, công trình tiếp tục bị tháo dỡ, đập phá trái phép thì Ủy ban nhân dân phường 4 đến và mời về trụ sở Ủy ban nhân dân phường 4 lập biên bản yêu cầu ngưng đập phá.

Việc tháo dỡ, đập bỏ các trụ cọc bê tông, ống cống kéo dài khoảng 12 ngày thì kết thúc gây thiệt hại là 319 cọc bê tông, 232 ống cống trị giá 1.782.258.244 đồng (theo kết luận định giá số 05/KLĐG.ĐGTSTTHS, BL: 499).

Sau khi đập phá, Tô Huy Th và Nguyễn Thanh T cho trồng một số cây mai vàng, nguyệt quế trên khu đất dự án và khu đất dự án trên vẫn do Tô Huy Th, Nguyễn Thanh T chiếm giữ, đến ngày 14/02/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Long đã lập biên bản bàn giao lại cho Công ty B. Cơ quan điều tra đã thu giữ các Biên bản do Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Vĩnh Long lập yêu cầu các bị can ngừng ngay việc tháo dỡ trái phép các trụ cọc bê tông, ống cống lưu vào hồ sơ vụ án.

(BL:310 đến 316; 611 đến 618; 620 đến 627; 628 đến 635; 636 đến 646; 673 đến 679; 687 đến 693; 703 đến 704; 721 đến 728).

Xét thấy, hành vi của Nguyễn Thanh T và Tô Huy Th có dấu hiệu của tội "Hủy hoại tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC01) - Công an tỉnh Vĩnh Long khởi tố vụ án vào ngày 08/03/2019. Sau đó khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với Nguyễn Thanh T và Tô Huy Th để điều tra làm rõ, xử lý.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thanh T đã thừa nhận hành vi vi phạm của mình. Nhưng bị can Tô Huy Th không thừa nhận hành vi hủy hoại tài sản mà cho rằng việc huỷ hoại tài sản là làm theo lời của bị can Nguyễn Thanh T và bị can Th không biết tài sản này đã được chuyển dịch quyền sở hữu cho phía Cty B; lời khai này là không phù hợp với các chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra như: Vi bằng và Thỏa thuận đi đòi lại tài sản giữa bị can T và bị can Th; lời khai người làm chứng, người liên quan, các biên bản của Cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương và các tài liệu điều tra khác đã cho thấy hành vi của Tô Huy Th đã đồng phạm với Nguyễn Thanh T với vai trò thực hiện việc hủy hoại tài sản.

Đối với vợ bị can T là Huỳnh Thị Thùy D hành vi không đủ yếu tố đồng phạm với các bị can, vì trên thực tế bà Dương có ký văn bằng thỏa thuận, có ký vào biên bản bàn giao tài sản cho Tô Huy Th, nhưng:

- Nội dung là để bị can Th đứng ra đàm phán, chuộc lại đất từ Công ty B và Ngân hàng Đ.

-Việc bàn bạc tháo dỡ, đập phá công trình xây dựng do T và Th tự thỏa thuận không có sự tham gia bàn bạc của bà Huỳnh Thị Thùy D, nên Cơ quan cảnh sát điều tra không khởi tố, điều tra là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Đối với các cá nhân đã được Tô Huy Th giới thiệu Th là chủ khu đất nhà ở khóm K4, phường 4, thành phố Vĩnh Long và cho phép các cá nhân này vào đập bê tông lấy sắt không phải trả tiền công, như: Trần Phước S, Lê Thành Kh, Võ Chí T và những người liên quan Nguyễn Thái Th, Đoàn Thanh N,... cùng các tài

xế, chủ xe cuốc thì hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên Cơ quan điều tra không khởi tố điều tra là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Quá trình điều tra, Trực Nghi Kh (vợ của bị can Tô Huy Th) đã nộp khắc phục trước số tiền 100 triệu đồng. Bị can T thì chưa khắc phục do gia đình chưa có điều kiện.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Tô Huy Th phạm vào tội "Hủy hoại tài sản" .

Căn cứ vào khoản 4 Điều 178, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với hai bị cáo Nguyễn Thanh T và Tô Huy Th. Ngoài ra bị cáo Tô Huy Th còn được áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 10 (mười) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 25/7/2019.

Xử phạt bị cáo Tô Huy Th 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 05/12/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Ngày 01/7/2020, bị cáo Nguyễn Thanh T kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 03/7/2020, bị cáo Tô Huy Th kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng thay đổi tội danh cho bị cáo thành "Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của người khác".

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thanh T giữ nguyên yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và trình bày: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho B là trái pháp luật, bản thân bị cáo hay công ty AP chưa thực hiện bàn giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho công ty B. Tài sản trên đất có sự trộn lẫn giữa tài sản của Công ty B và công ty AP. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xác định chính xác thiệt hại mà bị cáo gây ra cho bị hại để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Tô Huy Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bị cáo biết đây là tài sản của ông T thông qua hồ sơ vay vốn, nội dung của bản án 03/2005/KDTMST ngày 29/11/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo được vợ chồng bị cáo T ủy quyền cho chuộc lại đất từ Ngân hàng Đ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội "Hủy hoại tài sản".

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại công ty B trình bày: Bản án sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T, Tô Huy Th phạm tội Hủy hoại tài sản của Công ty B là có căn cứ. Phía bị hại xác nhận đã nhận 50 triệu đồng tiền khắc phục hậu quả từ bị cáo Nguyễn Thanh T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định pháp luật. Đối với phần yêu cầu xem xét lại trị giá thiệt hại của công ty là vượt quá phạm vi kháng cáo nên

đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Mặt khác, việc mua bán quyền sử dụng đất giữa bị cáo T và công ty B là tranh chấp dân sự nên không liên quan trong vụ án hình sự này.

Phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào kết quả định giá tài sản bị hủy hoại, lời khai của các bị cáo và lời khai bị hại có cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Thanh T và Tô Huy Th đã thực hiện hành vi phá dỡ cọc ống cống của công ty B. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử hai bị cáo phạm tội "Hủy hoại tài sản" theo khoản 4 Điều 178 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T trình bày: Hồ sơ vụ án thể hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ công ty AP cho công ty B là trái pháp luật. Tài sản cọc và cống mà các bị cáo hủy hoại có sự trộn lẫn với nhau. Cụ thể:

- Thứ nhất, về tính pháp lý của việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

Hợp đồng chuyển nhượng ghi bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Thanh T, tuy nhiên phần ký hợp đồng chuyển nhượng lại có con dấu của Công ty TNHH AP là không phù hợp. Bởi lẽ theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thành phố Vĩnh Long cấp thì các thửa đất được cấp cho ông Nguyễn Thanh T chứ không phải của Công ty TNHH AP. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì phải xác định các quyền sử dụng đất ông T được cấp ngày 13/05/2004 là tài sản chung vợ chồng của ông T và bà Huỳnh Thị Thuỳ Dương. Nên việc ông T có đứng ra ký hợp đồng để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho B cũng vi phạm về mặt chủ thể và vi phạm quy định của pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm ngày 13/11/2020 thì đại diện cho Công ty B đã khẳng định với Hội đồng xét xử là Công ty B nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của công ty AP là hoàn toàn sai so với quyền sử dụng đất đã cấp.

Hợp đồng thể hiện giá trị chuyển nhượng các quyền sử dụng đất là 10.352.000.000 đồng (nhỏ hơn giá trị ông T mua là 4.000.000.000 đồng). Bản thân giao dịch không thể hiện thời điểm thanh toán, phương thức thanh toán và thực tế không có chứng cứ chứng minh việc thanh toán. Tại biên bản ghi lời khai (BL 568) ông Trần Ngọc T1 (đại diện Công ty B) khẳng định B không thanh toán tiền cho ông Nguyễn Thanh T mà B tự nhận nợ với Ngân hàng, không có sự thoả thuận với ông Nguyễn Thanh T. Ngoài ra, tại thời điểm ngày 07/6/2005 thì B cũng không hề nhận nợ đối với Ngân hàng hay thanh toán số tiền nêu trên cho Ngân hàng Đ. Hồ sơ vụ án thể hiện B nhận nợ với Đ đối với khoản nợ của Công ty TNHH AP vào ngày 30/12/2005, theo Khế ước nhận nợ ngày 30/12/2005 (bút lục số 208). Như vậy rõ ràng tại thời điểm chuyển nhượng B

chưa thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào, mà lại được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vô lý.

Hợp đồng có sự xác nhận của Uỷ ban nhân dân Phường 4 là do bà Trần Thị Mỹ L ký. Tuy nhiên tại Văn bản số 41/UBND ngày 22/5/2018 (bút lục 232) do chủ tịch Uỷ ban nhân dân Phường 4 đã khẳng định, không có thông tin lưu trữ về chữ ký của ông Nguyễn Thanh T và không tìm thấy hồ sơ lưu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên. Cơ quan điều tra cấp sơ thẩm đã không làm rõ việc này là chưa làm hết trách nhiệm, đang lẽ ra trong trường hợp này Cơ quan điều tra cần phải làm việc với bà Chủ tịch Trần Thị Mỹ Lệ để làm rõ việc chứng thực.

Công văn số 517/STNMT ngày 18/08/2004 (thực tế là năm 2005) của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long (BL 192) thể hiện: Ngày 10/8/2005, ông Nguyễn Thanh T có đơn yêu cầu tạm ngưng việc thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho B, đồng thời Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cũng đã biết được tranh chấp hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông T và Ngân hàng Đ đang được Toà án thụ lý giải quyết. Tuy nhiên, sau đó Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long lại tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho B trong khi tranh chấp giữa ông Nguyễn Thanh T và Ngân hàng Đ, trong đó có B là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đang được Toà án thụ lý giải quyết.

Bản thân ông Nguyễn Thanh T không bàn giao quyền sử dụng đất và công trình gắn liền với đất cho B mà chính Ngân hàng Đ và Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Vĩnh Long đã bàn giao mặt bằng cho Công ty B theo biên bản ngày 05/08/2005 (BL 185). Thời gian này Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đang thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng. Việc bàn giao mặt bằng (quyền sử dụng đất) nêu trên là hoàn toàn trái pháp luật, dẫn đến việc B thực hiện đầu tư xây dựng trên phần đất nêu trên cũng trái pháp luật.

Do vậy, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1200 là hợp đồng chuyển nhượng trái pháp luật, không thể hiện được ý chí của các bên tham gia giao dịch và có dấu hiệu được lập khống, nhằm hợp thức hoá cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho B. Theo quy định của pháp luật thì Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1200 ngày 07/6/2005 là vô hiệu toàn bộ.

- Thứ hai, về cấu thành tội "Hủy hoại tài sản":

Đây là trường hợp có sự trộn lẫn giữa tài sản của công ty B và tài sản của công ty AP. Công ty B không phải đơn vị duy nhất đúc toàn bộ hơn 4000m cọc. Trong đó có 2192m cọc là do Công ty TNHH AP đúc, Công ty TNHH AP đã đúc được một số ống cống. Công ty B đã sử dụng các vật tư tồn kho của công ty TNHH AP để dùng vào việc đúc các ống cống mà hiện là đối tượng tài sản bị huỷ hoại trong vụ án. Do không phân biệt được cọc nào là của công ty B, cọc nào là của công ty AP. Chứng cứ chứng minh tài sản bị hủy hoại mà công ty B cung cấp chỉ thể hiện tài sản có giá trị bằng 1/3 giá trị mà Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận. Do đó, chưa đủ yếu tố cấu thành tội hủy hoại tài sản.

Còn đối với số lượng ống cống, công ty B chưa có chứng từ hợp lệ về số lượng ống cống bị phá hủy, không có biên bản kiểm tra vật tư tồn kho khi chuyển giao vụ án. Cơ quan điều tra đã không thu thập được phế phẩm tại hiện trường để chứng minh số ống cống bị đập là bao nhiêu mà căn cứ vào lời trình bày của bị hại để xác định số cống bị đập phá là không đảm bảo tính chính xác, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của các bị cáo. Các ống cống đã được để ở ngoài môi trường tự nhiên, không có sự bảo quản phù hợp nhưng khi giám định cơ quan giám định không xác định giá trị còn lại của tài sản là gây bất lợi cho các bị cáo.

Công văn số 904/SXD-QLXD ngày 12/06/2019 (BL 342) của cơ quan chuyên môn về xây dựng đã có ý kiến về việc xác định thiệt hại tại mục 2 (đối với trụ cọc bị đập bỏ phần lú trên mặt đất khoảng 1m) như sau: "*Do đó, để đảm bảo cọc có bị ảnh hưởng hoàn toàn tim cọc hay không, đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh thuê đơn bị tư vấn, kiểm trả lại phần chất lượng cọc còn lại*". Tuy nhiên, cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Vĩnh Long đã không nhờ đơn vị có chức năng kiểm tra chất lượng phần cọc còn lại mà đã yêu cầu cơ quan định giá, định giá và xác định thiệt hại toàn bộ là chưa đảm bảo tính chính xác trong việc xác định giá trị thiệt hại.

Từ các phân tích trên, mặc dù bị cáo Nguyễn Thanh T chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, tuy nhiên quan điểm của người bào chữa cho rằng không đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại tài sản". Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo vô tội.

Người bào chữa cho bị cáo Tô Huy Th trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định tài sản hủy hoại là của ai vì vấn đề này chưa điều tra rõ ràng. Lời khai của ông Các, ông Dương, bà Mến có mâu thuẫn về nguồn gốc tài sản. Công ty B không cung cấp được hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Đối với vật tư tồn kho, Công ty AP và công ty B chưa bàn giao xác nhận với nhau. Công ty B cho rằng toàn bộ tài sản là của B là không thuyết phục. Mặt khác chứng từ mà công ty B cung cấp về nguồn gốc hình thành tài sản do công ty con của công ty B làm là không khách quan. Hơn nữa, giá trị thể hiện trong chứng từ cũng chỉ bằng 1/3 giá trị theo kết luận của Hội đồng định giá. Điều này chứng minh trong tài sản mà các bị cáo đập phá thì có tài sản của bị cáo T.

Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Tô Huy Th phạm tội "Hủy hoại tài sản" là không đúng. Bị cáo Th không biết được đây là tài sản của ông T hay là của ai. Bị cáo Th được vợ chồng bị cáo T ủy quyền chuộc đất ở đây là chuộc đất từ Ngân hàng Đ theo hồ sơ vay vốn và bản án số 03/2005/KDTM-ST mà bị cáo T cung cấp. Do đó, ông Th không biết và không buộc phải biết đây là tài sản của công ty B. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Th vô tội, trả tự do tại Tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày:

Việc bản án sơ thẩm tuyên phạt 02 bị cáo Th và T về tội "Hủy hoại tài sản" của B là đúng quy định pháp luật. Trên cơ sở những nội dung mà các bị cáo và người bào chữa đã trình bày, phía bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công ty B chưa có một cơ quan nào xác định tính đúng sai. Từ thời điểm 23/9/2005 (thời điểm B) được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến hiện tại, B là chủ sử dụng hợp pháp và duy nhất đối với quyền sử dụng đất nêu trên. Mọi hành vi xâm phạm, chiếm giữ đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngoài ý chí của B đều vi phạm pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo T cho rằng trên đất có tài sản của bị cáo. Tuy nhiên từ quá trình điều tra cho đến nay, bị cáo không cung cấp được tài liệu nào chứng minh bi cáo có thi công trên đất. B xác nhận chỉ yêu cầu xem xét trách nhiệm của các bị cáo đối với tài sản do B tạo lập.

Mặc dù tài sản bị hủy hoại hình thành năm 2006 nhưng việc xác định giá trị tài sản hủy hoại theo Hội đồng định giá đã kết luận là đúng. Bản vẽ năm 2008 mà Hội đồng định giá trong tố tụng sử dụng khi định giá chỉ là bản vẽ chi tiết hơn cho bản vẽ năm 2006 đã có trong hồ sơ. Đến năm 2017 phải tính theo giá thị trường. Bản án sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định của pháp luật và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Tô Huy Th bị truy tố xét xử về tội "Hủy hoại tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Theo nội dung quy định tại Điều 178 thì việc xác định trị giá tài sản bị hủy hoại có ý nghĩa trong việc định khung hình phạt và xem xét để áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo.

[1.1] Tài liệu chứng cứ mà cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thu thập và dùng làm căn cứ để truy tố xét xử hành vi phạm tội của các bị cáo:

- Phiếu kê khai tài sản bị thiệt hại của bị hại ngày 16/10/2017 do ông Nguyễn Văn Ngọc – Tổng giám đốc ký (BL 72) theo đó tổng tài sản bị thiệt hại vào ngày 10/9/2007 là 613.257.000 đồng;

- Lời khai của ông Trần Ngọc T1 và ông Phạm Ngọc D – người đại diện của bị hại;

- Lời khai của vợ chồng ông Lê Thành Kh, ông Nguyễn Văn C, ông Hoàng Tiến D, bà Huỳnh Thị L, ông Lê Văn C, ông Lê Văn T;

- Biên bản kiểm tra trụ cọc, ống cống bị hủy hoại ngày 28/12/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra;

Các tài liệu Công ty B nộp Cơ quan điều tra gồm:

- Bảng quyết toán hạng mục ép cọc bê tông năm 2006 (BL286);

- Biên bản nghiệm thu ngày 06/8/2006;

- Biên bản giao nhận cọc giữa B và trung tâm buôn bán vật liệu xây dựng và TTNT;

- Biên bản bàn giao ngày 30/9/2006 giữ ông Nguyễn Văn C và ông Trần Ngọc T1.

[1.2] Quá trình Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Vĩnh Long xác định giá trị tài sản bị thiệt hại có những thiếu sót chưa làm rõ như sau:

- Theo các chứng cứ do công ty B cung cấp thì tổng cộng tài sản B thi công cho 400 đầu cọc tổng giá trị là 613.257.000 đồng (không cung cấp chứng từ hóa đơn thi công hoặc mua các ống cống bị hủy hoại).

- Căn cứ các chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án từ phía Ngân hàng gửi tới cơ quan điều tra thể hiện nội dung trong thời gian làm dự án bị cáo T đã thi công được một số hạng mục. Mặt khác, cũng căn cứ chứng cứ thu thập này thì bị cáo T không ký bàn giao đất cũng như tài sản cho công ty B khi giao dịch sang nhượng. Do vậy trong quá trình điều tra chưa chứng minh được các tài sản đã bị các bị cáo đập phá thì có hay không tài sản của bị cáo T.

- Các chứng từ chứng minh việc thi công đầu cọc của B là do công ty con của công ty B nên nói về tính khách quan là chưa đảm bảo. Bên cạnh đó, cơ quan điều tra cũng đã thu thập được chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất B được cấp đổi vào năm 2014 (cho tới thời điểm hiện nay chưa thay đổi) thì phần nội dung mục đích sử dụng đất là "*đất trồng cây lâu năm"*. Vậy việc thi công của công ty B vào năm 2006 là có hay không và thi công có vi phạm pháp luật hay không? Có hay không việc xây dựng không phép của B?

- Bị hại công ty B đã có cung cấp tài liệu chứng minh thiệt hại tại mục [1.1], nhưng cơ quan định giá tài sản trong tố tụng Hình sự đã không căn cứ các chứng cứ tại mục [1.1] để định giá tài sản bị thiệt hại. Việc, cơ quan định giá căn cứ tài liệu bản vẽ và dự toán sau năm 2006 của công ty B để tiến hành thẩm định và định giá tài sản đưa ra mức giá về tài sản bị thiệt hại trên 1,7 tỷ đồng là không phù hợp. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến giá trị tài sản thiệt hại lớn hơn giá trị mà bị hại khai báo.

Do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ kết quả định giá của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự để áp dụng khung hình phạt xét xử bị cáo là không đúng. Sai sót này ảnh hưởng đến việc xác định khung hình phạt khi có đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo.

[2] Về nội dung

Căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tố tụng thể hiện nội dung: Xuất phát từ việc cho rằng mình bị ép ký chuyển giao dự án và việc ký bán quyền sử dụng đất cho Công ty B vào năm 2005 không minh bạch nên, Nguyễn Thanh T gặp bị cáo Tô Huy Th trao đổi kế hoạch đòi lại khu đất có diện tích 7.816 m^2 tại Khóm K4 (nay là khóm 5), Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Giữa Nguyễn Thanh T và Tô Huy Th đã ký Vi bằng thỏa thuận vào ngày 31/7/2017 tại Văn phòng thừa phát lại số 117 HN, phường NTB, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện giao dịch Nguyễn Thanh T và Tô Huy Th còn thỏa thuận và thống nhất với nhau về việc dỡ bỏ các trụ cọc bê tông và một số ống cống đã được Công ty B xây dựng trên khu đất làm dự án. Để thực hiện thỏa thuận với T, Tô Huy Th đã thuê và trả tiền cho lực lượng Bảo vệ của Công ty trách nhiện hữu hạn dịch vụ bảo vệ HĐV để bảo vệ khu dự án khóm K4 (nay là khóm 5), phường 4, Thành phố Vĩnh Long.

Ngày 10/9/2017, Tô Huy Th và lực lượng bảo vệ khi đến khu vực dự án, Th yêu cầu các cá nhân đang giữ đất cho Công ty B gồm: Lê Văn C, Huỳnh Thị L, Võ Chí T rời khỏi khu đất dự án, Tô Huy Th mua lại nhà kho tiền chế trong khu đất này của Võ Chí T với giá 25.000.000 đồng, để cho các nhân viên đến bảo vệ khu đất dự án ở. Sau đó, T, Th đưa xe cuốc vào tiến hành tháo dỡ, đập phá Công trình của Công ty B gồm: Các cọc bê tông, ống cống do Công ty B thi công (đã thu giữ các giấy tờ thể hiện đây là tài sản của Công ty B). Trong lúc phá dỡ các trụ cọc bê tông và các tài sản khác, Tô Huy Th tự giới thiệu mình là chủ khu đất, nên cho phép cá nhân vào đập bê tông tông lấy sắt không phải trả tiền công. Võ Chí T, Trần Phước S, Lê Thành Kh biết được, nên xin vào đập các trụ cọc bê tông để lấy sắt bán, Th đồng ý. Lê Thành Kh đã thuê xe cuốc vào bẽ gãy ngang các trụ bê tông hoặc nhổ lên đập bể bê tông để lấy sắt bán cho Nguyễn Kim B được 27 triệu đồng. Mặt khác, việc tháo dỡ, đập bỏ các trụ cọc bê tông, ống cống kéo dài khoảng 12 ngày (từ ngày 10/9/2017 đến 21/9/2017) .

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử của bị cáo Nguyễn Thanh T, Tô Huy Th phạm tội "Hủy hoại tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 178 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hội đồng xét xử xét thấy,

[2.1] Theo quy định của pháp luật hình sự hiện hành thì dù có bất cứ lý do gì, cá nhân cũng không được phép hủy hoại tài sản của người khác đang chịu trách nhiệm quản lý (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do tình T cấp thiết). Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều trình bày trong các tài sản bị đập phá có sự trộn lẫn giữa tài sản của bị cáo T và của công ty B. Như vậy, các bị cáo đã thừa nhận có đập phá tài sản thuộc quyền quản lý và sở hữu của công ty B. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Hủy hoại tài sản" theo Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oai sai.

[2.2] Về việc xem xét áp dụng khung hình phạt và mức hình phạt:

Như nhận định tại phần tố tụng nêu trên, giá trị tài sản bị hủy hoại có ý nghĩa định khung hình phạt. Tuy nhiên, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót trong việc xác định giá trị tài sản bị hủy hoại. Việc này làm ảnh hưởng đến tính đúng đắn của việc áp dụng khung hình phạt xét xử.

Mặt khác, theo quy định của pháp luật hình sự thì việc xác định nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội không có ý nghĩa trong việc miễn trừ trách nhiệm hình sự. Tuy vậy, việc xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội có ý nghĩa cho việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến nội dung này là chưa đảm bảo đến tính nghiêm minh và công bằng trong áp dụng hình phạt của pháp luật hình sự. Hơn nữa tài sản bị hủy hoại trong vụ án này được cắm trong lòng đất nên, việc xem xét chứng minh về quyền sử dụng đất *hợp pháp* có ý nghĩa đặc biệt trong việc xác định đúng giá trị tài sản bị thiệt hại giúp cho việc truy tố xét xử đúng pháp luật.

Xét, các giao dịch dân sự liên quan đến quyền sử dụng đất

- Công ty TNHH AP do Nguyễn Thanh T làm giám đốc được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phê duyệt cho làm chủ đầu tư thực hiện dự án khu nhà ở AP 2, gồm: "Dãy nhà liên kế 38 căn và dãy nhà đơn lập 10 căn" tại khóm K4 (nay là khóm 5), Phường 4, Thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long), tỉnh Vĩnh Long. Để thực hiện dự án này, ngày 15/04/2004 Nguyễn Thanh T (giám đốc Công ty) đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Đ (Ngân hàng Đ) vay là 20 tỷ đồng, thời hạn vay là 24 tháng, tính từ ngày 15/04/2004 đến 15/04/2006. Tài sản thế chấp gồm: (1) Quyền sử dụng 7.818,2 m^2 đất do bị cáo T mua 14 tỷ và đứng tên cá nhân Nguyễn Thanh T; (2) Tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất. Quá trình thực hiện hợp đồng phía Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH AP là 9,8 tỷ đồng để thực hiện dự án. Sau khi vay tiền công ty đã san lấp mặt bằng, làm rào lưới thép xung quanh diện tích và một số công việc khác, nhưng sau đó thì ngưng, không tiếp tục thực hiện. Mặt khác, công ty cũng không trả tiền vay ngân hàng Đ. Do không còn khả năng thực hiện dự án nên ngày 31/5/2005 Công ty AP bị thu hồi giấy phép kinh doanh. Việc công ty AP bị rút giấy phép làm dự án *không đồng nghĩa* với việc tài sản của công ty là quyền sử dụng đất bị thu hồi giao cho người khác. Do đó, việc Ngân hàng và cơ quan của Uỷ ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đứng ra ký giao quyền sử dụng đất trên cho công ty B, khi không có sự tham gia của ông Nguyễn Thanh T hoặc đại diện hợp pháp của công ty AP là sai. Kể cả có việc bị cáo Nguyễn Thanh T là người ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Xét hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ:

+ *Thứ nhất,* căn cứ chứng cứ thu thập trong hồ sơ thể hiện ngày *07/6/2005* bị cáo Nguyễn Thanh T và công ty B ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bị cáo T ký tên vào hợp đồng với tư cách là giám đốc và đóng dấu của công ty AP. Trong khi đó giấy phép kinh doanh của công ty AP bị thu hồi từ ngày *31/5/2005* và bị cáo T lại không ký biên bản bàn giao đất và tài sản trên đất. Vậy vấn đề đặt ra ở đây là giao dịch dân sự này có đúng pháp luật hay không? Có bị vô hiệu hay không? Nếu không thì đã hoàn thành khi nào?

+ *Thứ hai,* các giấy tờ về quyền sử dụng đất đã được sang tên cho công ty B từ giao dịch có nhiều điểm bất cập nêu trên vào tháng 6 năn 2005. Trong khi đó Bản án sơ thẩm số 03/2005/KDTM-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ngày 29/11/2005 xét xử về tranh chấp Hợp đồng tín dụng nhưng nội dung không đề cập đến việc sang nhượng này. Trong khi đó tài sản này là tài sản được thế chấp trong hợp đồng tín dụng mà Tòa án đã thụ lý giải quyết xét xử ra bản án. Vậy vấn đề đặt ra là giao dịch quyền sử dụng đất vào tháng 6 năm 2005 là có hay không?

Những thiếu sót về tố tụng và bất cập về nội dung nêu trên làm ảnh hưởng đến tính đúng đắn, nghiêm minh và công bằng trong tố tụng hình sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể sửa chữa khắc phục. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 11/2020/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Tỉnh Vĩnh Long. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Vĩnh Long, giải quyết lại từ giai đoạn điều tra để điều tra chứng minh những nội dung Hội đồng xét xử đã nhận định.

[4] Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1/ Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T và Tô Huy Th.

Hủy bản án sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân Vĩnh Long. Giao hồ sơ vụ án về cho Viện kểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long để điều tra, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý lại hồ sơ vụ án.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Tô Huy Th không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- TTG công an tỉnh Vĩnh Long;
(Tống đạt cho bị cáo)
- Lưu (07) 16b (Án VTPT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên